

Số: 645/2018/QĐST - HNGĐ

Thủ Đức, ngày 25 tháng 06 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 374/2018/TLST – HNGĐ ngày 10/04/2018 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” giữa:

Người yêu cầu:

Ông Nguyễn Thành N, sinh năm: 1983

Hộ khẩu thường trú: Số 4/1, Đường số A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và bà Bùi Phạm Trúc L, sinh năm: 1987

Hộ khẩu thường trú: Số 4/1, Đường số A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 72/2/4 đường số A, phường L, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107 và Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Căn cứ Điều 357 Bộ Luật dân sự năm 2015.
- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 06 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 06 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Nguyễn Thành N, sinh năm: 1983 và bà Bùi Phạm Trúc L, sinh năm: 1987

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 165, quyển số 01 cấp ngày 16/10/2007 do Ủy ban nhân dân phường L, quận Thủ Đức cấp ngày 16/10/2007)

2. Công nhận sự thỏa thuận của đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Minh N (Nam), sinh ngày: 17/09/2008 và Nguyễn Minh K (Nam), sinh ngày: 06/09/2011. Ông Nguyễn Thành N và bà Bùi Phạm Trúc L thống nhất thỏa thuận giao con chung cho bà Bùi Phạm Trúc L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng:

- Ông Nguyễn Thành N cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Minh N (Nam), sinh ngày: 17/09/2008 số tiền 3.500.000đồng/01 tháng, con chung tên Nguyễn Minh K (Nam), sinh ngày: 06/09/2011 số tiền 3.500.000đồng/01 tháng. Thực hiện từ ngày 10 đến ngày 15 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 07/2018 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Về mức lãi suất do không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Thành N và bà Bùi Phạm Trúc L tự thỏa thuận là 10%/năm.

Trường hợp bà Bùi Phạm Trúc L có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Thành N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì ông Nguyễn Thành N phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất mà các bên đã tự thỏa thuận là 10%/năm.

Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về lệ phí: 300.000 đồng ông Nguyễn Thành N và bà Bùi Phạm Trúc L có nghĩa vụ nộp, nhưng được miễn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số AA/2017/0038607 ngày 10/04/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Ông Nguyễn Thành N và bà Bùi Phạm Trúc L đã nộp đủ lệ phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP;
- Viện kiểm sát nhân dân TP;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Võ Thị Kim Trang